

Số: 258 /BC-UBND

Quảng Trị, ngày 25 tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO

**Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2020 và kế hoạch
phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh năm 2021**

Phần I

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2020

Năm 2020, là năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; phát huy thành quả của 30 năm xây dựng và phát triển, tỉnh đã xác định chủ đề năm là: “*Hành động quyết liệt - Về đích toàn diện - Tạo đà bứt phá*” quyết tâm thực hiện hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, tạo đà phát triển trong nhiệm kỳ tới. Tuy nhiên, do đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp; thiên tai, bão lụt lịch sử đã gây thiệt hại nặng nề, tác động tiêu cực đến toàn bộ hoạt động sản xuất và đời sống của nhân dân trên địa bàn.

Dưới sự lãnh đạo sâu sát và toàn diện của Tỉnh ủy, sự giám sát chặt chẽ của HĐND tỉnh, sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân và sự đồng hành của các doanh nghiệp; trên cơ sở quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ¹, UBND tỉnh đã chủ động xây dựng các kịch bản, giải pháp² ứng phó đồng bộ, hiệu quả; tập trung thực hiện “mục tiêu kép”³ - vừa quyết liệt phòng chống dịch bệnh, vừa duy trì, phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội nên tình hình kinh tế - xã hội năm 2020 tiếp tục có chuyển biến tích cực trong điều kiện bình thường mới... Dự kiến hoàn thành 16/25 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu đã đề ra, trong đó có 6 chỉ tiêu vượt kế hoạch.

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

¹ Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2020 và Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020;

² Kết luận số 230-KL/TU ngày 04/12/2019 của Tỉnh ủy; Nghị quyết số 31/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

³ Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 27/03/2020 các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch bệnh Covid-19; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 01/6/2020 về thực hiện một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và triển khai các dự án đầu tư, nhằm khôi phục phát triển kinh tế, ổn định xã hội; Kế hoạch số 3398/KH-UBND ngày 28/7/2020 thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

1. Về tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát

1.1. Về tăng trưởng kinh tế

- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2020 (GSS2010) ước tính đạt 19.863,5 tỷ đồng, tăng 3,63% so với năm 2019 (năm 2019 tăng 7,91%), cao hơn mức trung bình của cả nước⁴ nhưng là mức tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây; trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 4.276,22 tỷ đồng, tăng 2,95%; khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 4.934,4 tỷ đồng, tăng 7,25%; khu vực dịch vụ đạt 9.752,04 tỷ đồng, tăng 2,31%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp đạt 900,84 tỷ đồng, tăng 2,33%. GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành ước đạt 53,9 triệu đồng, tăng 7,8% so với năm 2019, không đạt kế hoạch đề ra. Về cơ cấu kinh tế: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 23,44%; khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm 76,56% năm 2020.

1.2. Chỉ số giá tiêu dùng

Trong 10 tháng đầu năm 2020, chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân 3,56% so với cùng kỳ năm trước (10 tháng năm 2019 tăng 1,84%); Chỉ số giá vàng tăng bình quân 29,08% so với cùng kỳ năm trước (10 tháng năm 2019 tăng 6,33%); Chỉ số giá đô la Mỹ bình quân giảm 0,47% so với cùng kỳ năm trước (10 tháng năm 2019 tăng 1,07%); Ước tính chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2020 tăng 3,15% so với năm 2019, chỉ số giá vàng tăng 30%, chỉ số giá đô la Mỹ giảm 0,50%.

1.3. Lĩnh vực ngân hàng

- Tỉnh đã quán triệt và thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ về chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt thị trường tài chính, tiền tệ và tỷ giá. Huy động vốn trên địa bàn đến 31/10/2020 đạt 24.885 tỷ đồng, tăng 8,97% (+2.048 tỷ đồng) so với cuối năm 2019; Tổng dư nợ cho vay đối với nền kinh tế đạt 35.313 tỷ đồng, giảm 1,68% (-603 tỷ đồng) so với cuối năm 2019; Nợ xấu là 372 tỷ đồng, chiếm 1,05% tổng dư nợ. Dự ước cuối năm huy động vốn đạt 25.000 tỷ đồng, tăng 9,47% so với cuối năm 2019; dư nợ đạt 37.720 tỷ đồng, tăng 5,02% so với cuối năm 2019, nợ xấu chiếm tỷ trọng khoảng dưới 2%/ tổng dư nợ.

- Các chương trình tín dụng ưu đãi do Ngân hàng chính sách xã hội triển khai đã đóng góp tích cực, hiệu quả cho công tác xóa đói giảm nghèo của tỉnh với tổng dư nợ cho vay đến 31/10/2020 là 3.014 tỷ đồng, tăng 14,82% (+387 tỷ đồng) so với năm 2019.

1.4. Thu chi ngân sách

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước thực hiện: 3.301 tỷ đồng/DT 3.400 tỷ đồng, đạt 97% dự toán địa phương và 118% dự toán Trung ương; Trong đó: Thu nội địa: 2.881 tỷ đồng/DT 2.950 tỷ đồng, đạt 98% dự toán địa phương và 118% dự toán Trung ương; Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu: 362 tỷ đồng/DT 450 tỷ đồng, đạt 80% dự toán địa phương và 101% dự toán Trung ương.

⁴ Tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước chỉ đạt khoảng 2,5-3%; Thừa Thiên Huế đạt 2%; Quảng Bình đạt 2,6%; Hà Tĩnh đạt 1%; Thanh Hóa đạt 6%...

- Tổng chi NSDP ước thực hiện: 10.602 tỷ đồng/DT 9.504,128 tỷ đồng, đạt 112% dự toán và bằng 105% so với cùng kỳ năm trước; Trong đó, một số khoản chi cụ thể như: Chi đầu tư phát triển: 1.605 tỷ đồng/ DT 1.514,1 tỷ đồng, đạt 106% dự toán và bằng 127% so với cùng kỳ năm trước; Chi thường xuyên: 5.179 tỷ đồng/ DT 4.936,453 tỷ đồng, đạt 105% dự toán và bằng 108% so với cùng kỳ năm trước (đã bao gồm chi ngoài dự toán từ nguồn dự phòng); Chi thực hiện các CTMT quốc gia, CTMT, nhiệm vụ từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung (bao gồm chi thực hiện các dự án từ nguồn vốn nước ngoài): 3.660 tỷ đồng, đạt 134% dự toán và bằng 167% so với cùng kỳ năm trước.

1.5. Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển

- Năm 2020, với quyết tâm hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và 5 năm 2016-2020; Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ các công trình/dự án chuyển tiếp từ năm 2019 và khởi công năm 2020; nhất là các công trình/dự án khởi công và hoàn thành nhân kỷ niệm 30 năm lập lại tỉnh. Bên cạnh đó, kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 được giao tăng 64% so với năm 2019. Tuy nhiên, do phải thực hiện các giải pháp phòng chống COVID-19 và do bão lụt liên tiếp xảy ra nên vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn năm 2020 tăng trưởng nhưng không đạt kế hoạch đề ra. Vốn đầu tư phát triển thực hiện trên địa bàn năm 2020 (giá hiện hành) ước tính đạt 19.068,2 tỷ đồng, tăng 15,18% so với năm trước (năm 2019 tăng 24,8%); bao gồm: vốn khu vực nhà nước 5.175,4 tỷ đồng, tăng 18,42%; vốn khu vực ngoài nhà nước 13.785,8 tỷ đồng, tăng 14,30%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 107 tỷ đồng, giảm 14,06%.

- Hiện nay, UBND tỉnh đang triển khai chỉ đạo tổ chức vận động 08 dự án ODA với tổng vốn đầu tư là 4.658 tỷ đồng. Trong 10 tháng đầu năm, tổng giải ngân các dự án ODA đạt 461.020 triệu đồng bằng 44% kế hoạch vốn được giao⁵, cao hơn tỷ lệ giải ngân trung bình của cả nước⁶. Có 17 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký là 79,85 triệu USD.

- Tính từ đầu năm, Tỉnh đã vận động được 43 dự án, phi dự án viện trợ mới từ các tổ chức các cơ quan, tổ chức cá nhân nước ngoài với tổng giá trị cam kết đạt trên 51 triệu USD để khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo và 10,6 tỷ VNĐ để hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng lũ lụt. Dự kiến cả năm vận động được 50 dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài, tổng giá trị vận động ước đạt 52 triệu USD.

- UBND tỉnh đã cấp chủ trương đầu tư cho 49 dự án với tổng vốn đăng ký là 6.811,14 tỷ đồng, bằng 77,8% về số dự án và 17,5% về số vốn đăng ký so với

⁵ Bao gồm: Giải ngân vốn nước ngoài là 348.652 triệu đồng bằng 41% kế hoạch được giao (vốn nước ngoài nguồn NSTW là 340.954 triệu đồng, vốn địa phương vay lại là 7.698 triệu đồng); giải ngân vốn đối ứng là 112.368 triệu đồng bằng 61% kế hoạch được giao (NSDP là 80.242 triệu đồng, NSTW là 32.126 triệu đồng)

⁶ Theo báo cáo tổng hợp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại cuộc họp trực tuyến giao ban tiến độ giải ngân vốn nước ngoài các dự án ODA vào ngày 29/10/2020, tỷ lệ giải ngân vốn nước ngoài nguồn NSTW các dự án ODA đạt 30,15% (một số địa phương có tỷ lệ giải ngân tương đối cao là (Tây Ninh là 91,74 %, Cao Bằng 62,58%, Điện Biên 51,55 %).

cùng kỳ năm 2019⁷. Dự kiến đến hết năm 2020 cấp chủ trương cho khoảng 80 dự án, với tổng số vốn 41.500 tỷ đồng.

2. Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực

2.1. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Năm 2020, sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn thách thức do diễn biến bất thường của thời tiết, dịch bệnh Covid-19, dịch bệnh tả lợn Châu Phi, các dịch bệnh trên tôm nuôi ở một số địa phương; đặc biệt là các đợt mưa lũ trong tháng 10 gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tốc độ tăng trưởng khu vực nông, lâm, thủy sản đạt 2,95% so với cùng kỳ năm 2019, thấp hơn so với kế hoạch đề ra (kế hoạch là 4,5%).

- Năng suất của hầu hết các loại cây trồng đều tăng. Vụ Đông Xuân 2019 - 2020 được mùa toàn diện, năng suất lúa đạt 58,7 tạ/ha, cao nhất từ trước đến nay. Nhiều mô hình liên kết phát triển theo chuỗi giá trị tiếp tục được thực hiện, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Diện tích cây lương thực ước đạt 54.485,1 ha/53.800 ha kế hoạch, đạt 101,2% KH (tăng 121,8 ha). Sản lượng lương thực có hạt ước đạt 28,95 vạn tấn, tăng 2.967,3 tấn so với cùng kỳ năm trước, vượt 11,3% kế hoạch đề ra. Diện tích trồng mới và tái canh cây công nghiệp dài ngày ước đạt 257,3 ha, vượt 11,87% kế hoạch (KH 230 ha) và tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước⁸.

- Ước tính đến 31/12/2020 đàn trâu có 22.391 con, đàn trâu có 22.391 con, giảm 0,01% so với cùng thời điểm năm trước; đàn bò có 56.601 con, tăng 0,01%, tổng đàn bò lai Zebu chiếm trên 55,8% tổng đàn bò; đàn lợn có 147.998 con, tăng 34,82%; đàn gia cầm có 3.150 nghìn con, tăng 4,07%. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 37.337 tấn, giảm 11,11% so với năm trước.

- Sản xuất lâm nghiệp phát triển ổn định, tình hình xuất khẩu gỗ và sản phẩm chế biến từ gỗ vẫn bình thường; diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 8.200 ha, giảm 10,13%; sản lượng gỗ khai thác rừng ước đạt 950.000 m³, tăng 5,87% so với năm 2019; độ che phủ rừng tiếp tục được duy trì 50,1%. Trong năm, đã trồng được 600ha rừng gỗ lớn⁹; thực hiện mô hình chuyển hóa rừng trồng Keo lai từ sản xuất gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn với diện tích 29 ha tại huyện Vĩnh Linh, Gio Linh và Hải Lăng.

- Hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản được quan tâm. Công tác chống khai thác IUU trên địa bàn tỉnh được đẩy mạnh, ý thức tuân thủ các quy định về

⁷ 10 tháng năm 2019 cấp chủ trương đầu tư cho 63 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký là 39.019 tỷ đồng. Một số dự án lớn như: Apec Mandala Grand Cửa Việt (500 tỷ đồng); Trung tâm phân phối hàng hóa Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị (2.005,228 tỷ đồng); Khu dịch vụ - du lịch Gio Hải (1.657,27 tỷ đồng); Khu nhà xưởng và văn phòng Trung Khởi - Quán Ngang (461,065 tỷ đồng).

⁸ Trong đó: Cà phê: 120 ha, Cao su: 125 ha; Hồ tiêu: 12,3 ha.

⁹ Trong đó tại huyện Cam Lộ diện tích 450 ha; Đakrông: diện tích 150 ha.

khai thác thủy sản của ngư dân được nâng lên. Tổng sản lượng thủy sản năm 2020 ước tính đạt 37.129 tấn, tăng 3,18% so với năm trước¹⁰.

b) Công nghiệp - Xây dựng

- Sản xuất công nghiệp năm 2020 chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch COVID-19. Một số doanh nghiệp có máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu bị hư hỏng, hàng hóa sản xuất ra khó tiêu thụ phải ngừng sản xuất do lũ lụt kéo dài trong tháng Mười... Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2020 ước tính chỉ tăng 5,25% so với năm trước (năm 2019 tăng 9,76%). Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là ngành giữ vai trò dẫn dắt ngành công nghiệp phát triển nhưng năm 2020 chỉ tăng 5,29% (năm 2019 tăng 8,74%).

- Xác định năng lượng tái tạo là lĩnh vực then chốt, đột phá, lãnh đạo Tỉnh đã tích cực, chủ động xúc tiến, hỗ trợ các nhà đầu tư, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thúc đẩy đầu tư, khởi công dự án. Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã có 82 dự án điện gió được đề xuất với tổng công suất 3.860,85 MW¹¹; 22 dự án điện mặt trời với tổng công suất khoảng 1.750 MWp¹²; 02 dự án nhà máy nhiệt điện than với tổng công suất 2.400MW và 3 dự án điện khí với tổng công suất 6.340MW đề xuất đầu tư tại Khu Kinh tế Đông Nam¹³...

Chỉ đạo các ngành xúc tiến, hỗ trợ các nhà đầu tư, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện, trọng tâm là các dự án năng lượng tái tạo khởi công nhân dịp kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh¹⁴; Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án đường dây 220kV Đông Hà - Lao Bảo và Dự án Nâng tiết diện đường dây 110kV Đông Hà - Lao Bảo.

¹⁰Trong đó: Tổng sản lượng khai thác khai thác được đạt 29.129 tấn, tăng 6,38% so với cùng kỳ năm trước và vượt 5,9% kế hoạch; tổng sản lượng nuôi thủy sản ước đạt 8.100 tấn, đạt 94,16% so với cùng kỳ năm và bằng 85,26% so với kế hoạch.

¹¹Trong đó: có 31 dự án được Bộ Công Thương phê duyệt quy hoạch với tổng công suất 1.177,2MW; 51 dự án với tổng công suất 2.683,65MW đang trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung quy hoạch. Bên cạnh đó, có 7 dự án đang trong giai đoạn nghiên cứu, khảo sát, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch với tổng công suất 1.540MW.

¹²Trong đó, có 03 dự án ĐMT đã được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung quy hoạch với tổng công suất 149,5MWp, 14 dự án điện mặt trời đã trình Bộ Công Thương xem xét bổ sung quy hoạch với tổng công suất 1.293,02MWp, 05 dự án đang triển khai khảo sát, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch với quy mô công suất khoảng 310,10MWp.

¹³Trong đó, dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 được đưa vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia với công suất 1.320MW; Trình Bộ Công Thương Dự án Nhà máy Nhiệt điện than Quảng Trị 2. Dự án Nhà máy điện khí 340MW của Gazprom, đã được Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy hoạch vào điện lực Quốc gia và chỉ định nhà đầu tư; 02 dự án điện khí LNG của Tập đoàn T&T (4.500MW) và của Liên danh Công ty TNHH Tài Tâm - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Kinh doanh Bất động sản Thăng Long (1.500MW).

¹⁴Cụm Dự án Thủy điện Hướng Sơn; Dự án Mở rộng lưu vực bổ sung nước cho hồ chứa Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị và vùng hạ du; Dự án Thủy điện Bàn Mới; Dự án Thủy điện Hướng Phùng; Dự án Thủy điện Đakrông 5; Dự án Nhà máy điện gió Hướng Phùng 1; Dự án Nhà máy điện gió Hướng Phùng 2 và Hướng Phùng 3; Dự án Nhà máy điện gió Hướng Tân; Dự án NMĐG Tân Linh; Dự án NMĐG Liên Lập; Dự án NMĐG Hướng Hiệp 1; Dự án NMĐG Hướng Linh 3; Các Dự án NMĐG Gelex 1, 2 và 3; Dự án NMĐG Phong Huy; Dự án NMĐG Phong Nguyên; Dự án NMĐG Phong Liệu; Dự án NMĐMT Gio Thành 1 và Gio Thành 2; Dự án NMĐG Hướng Linh 4.

- Giá trị sản xuất xây dựng năm 2020 (giá hiện hành) ước tính đạt 13.349 tỷ đồng, chủ yếu do các đơn vị ngoài nhà nước thực hiện¹⁵. Giá trị sản xuất xây dựng năm 2020 (giá so sánh 2010) ước tính đạt 8.766,4 tỷ đồng, tăng 6,09% so với cùng kỳ năm trước (năm 2019 tăng 15,2%)¹⁶.

c) Thương mại - Dịch vụ

- Trong năm 2020, do phải thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid -19, nhiều hoạt động kinh doanh, dịch vụ phải tạm dừng; thiên tai bão lụt cũng đã ảnh hưởng rất nặng nề đến hoạt động thương mại và dịch vụ; nhất là hoạt động du lịch. Tổng lượt khách du lịch đến Quảng Trị trong năm ước đạt 590.000 lượt, giảm 71,7% so với năm 2019; số lượt khách lưu trú năm 2020 ước tính đạt 268.034 lượt, giảm 41,34% so với năm trước.

- Doanh thu một số loại hình dịch vụ khác có tăng trưởng nhưng không bằng mức tăng của năm 2019. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2020 ước tính đạt 30.959,09 tỷ đồng, tăng 3,06% (năm 2019 tăng 9,65%)¹⁷.

Doanh thu vận tải ước tính đạt 1.815,74 tỷ đồng, tăng 7,06% so với năm trước. Số lượt hành khách vận chuyển ước tính đạt 6.931 nghìn HK, giảm 11,08%; số lượt hành khách luân chuyển ước tính đạt 597.852 nghìn HK.km, giảm 13,97%. Khối lượng hàng hoá vận chuyển ước tính đạt 10.304 nghìn tấn, tăng 7,61%; khối lượng hàng hoá luân chuyển ước tính đạt 752.815 nghìn tấn.km, tăng 3,80% so với năm trước.

2.2. Thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước

Thực hiện nghiêm túc lộ trình thoái phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước đã được phê duyệt theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020. Nhìn chung công tác thoái vốn tại các Doanh nghiệp nhà nước được tỉnh quan tâm triển khai thực hiện theo đúng lộ trình đã được Chính phủ phê duyệt. Sau khi thực hiện sắp xếp, đổi mới theo mô hình hoạt động mới, hoạt động sản xuất kinh doanh nhiều công ty cổ phần trên địa bàn được cải thiện đáng kể, đạt hiệu quả cao¹⁸.

¹⁵ Trong tổng giá trị sản xuất, giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà ở 5.787 tỷ đồng, chiếm 43,35%; công trình nhà không ở 1.257 tỷ đồng, chiếm 9,42%; công trình kỹ thuật dân dụng 5.825 tỷ đồng, chiếm 43,63%; hoạt động xây dựng chuyên dụng 480 tỷ đồng, chiếm 3,60%.

¹⁶ Trong đó: giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà ở 3.802,1 tỷ đồng, tăng 6,63%; giá trị sản xuất xây dựng nhà không ở 825,8 tỷ đồng, tăng 4,29%; giá trị sản xuất xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng 3.827 tỷ đồng, tăng 6,14%; giá trị sản xuất xây dựng công trình chuyên dụng 311,5 tỷ đồng, tăng 3,64%.

¹⁷ Trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 27.369,45 tỷ đồng, chiếm 88,41% tổng mức và tăng 6,53% so với năm trước; Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước tính đạt 2.553,53 tỷ đồng, chiếm 8,25% tổng mức và giảm 18,58% so với năm trước; Doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 6,35 tỷ đồng, chiếm 0,02% tổng mức và giảm 81,61% so với năm trước; Doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 1.029,76 tỷ đồng, chiếm 3,32% tổng mức và giảm 12,43% so với năm trước.

¹⁸ Cụ thể: Nhà nước giữ dưới 50% vốn điều lệ hoặc không nắm giữ vốn điều lệ như sau: (i) Công ty TNHH MTV Đông Trường Sơn, nhà nước không nắm giữ cổ phần; (ii) Công ty Cổ phần Tân Hưng, nhà nước không nắm giữ cổ phần; (iii) Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông Quảng Trị, nhà nước không nắm giữ cổ phần; (iv) Công ty Cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị hiện nhà nước nắm 22,6% cổ phần.

3. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển doanh nghiệp

3.1. Về cải thiện môi trường kinh doanh:

Trước các ảnh hưởng dịch COVID-19 gây ra, UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các Sở, Ngành và địa phương thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch bệnh COVID-19¹⁹. Đồng thời, quyết liệt chỉ đạo các ngành, các cấp chủ động thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020²⁰. Định kỳ tổ chức Hội nghị đối thoại, duy trì mô hình cà phê doanh nhân, bám sát cơ sở để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

3.2. Về khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp

- UBND tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp theo Nghị quyết 35/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐND của Tỉnh ủy về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị. Tổ chức các đoàn có lãnh đạo tỉnh tham gia đến thăm hỏi, động viên doanh nghiệp cũng như hỗ trợ, giúp đỡ doanh nghiệp vượt qua khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh;

- Đến nay, 100% huyện, thị xã và thành phố thực hiện cấp giấy chứng nhận Hộ kinh doanh theo phần mềm đăng ký và quản lý hợp tác xã, hộ kinh doanh và doanh nghiệp. Công tác kiểm tra việc chấp hành các nội dung sau đăng ký doanh nghiệp luôn được chú trọng²¹. Thời gian thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh của tỉnh được rút ngắn (dưới 02 ngày) hơn so với thời gian xử lý trung bình chung của cả nước.

- Trong 10 tháng đầu năm 2020 toàn tỉnh có 438 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký hơn 7.915 tỷ đồng. Đến nay, toàn tỉnh có 3.919 doanh nghiệp và 1.226 đơn trực thuộc đang hoạt động. Ước cả năm 2020, số doanh nghiệp thành lập mới là 460 doanh nghiệp, đạt 115% so với kế hoạch, tăng 21% so với năm 2019.

4. Tiếp tục đẩy mạnh 3 đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020

- Các Sở, Ngành và địa phương đã quán triệt, tổ chức thực hiện Chương trình hành động số 92-CTHĐ/TU ngày 17/10/2017 thực hiện Nghị quyết 10-

- Nhà nước giữ trên 50% vốn điều lệ đối với 03 công ty sau cổ phần hóa: (i) Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Trị hiện nhà nước nắm giữ 51% cổ phần; (ii) Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà hiện nhà nước nắm 55,38% cổ phần; (ii) Công ty TNHH MTV Cảng Cửa Việt nhà nước nắm giữ 96,959 % cổ phần.

¹⁹ Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 01/6/2020 của UBND tỉnh, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19

²⁰ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 1/1/2020 của Chính phủ; Kế hoạch hành động số 402/CTHĐ-UBND ngày 7/02/2020 của UBND tỉnh; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 01/6/2020 về thực hiện một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và triển khai các dự án đầu tư, nhằm khôi phục phát triển kinh tế, ổn định xã hội.

²¹ Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, tránh việc thanh tra kiểm tra chồng chéo, trùng lặp, gây phiền hà cho doanh nghiệp và Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của UBND tỉnh.

NQ/TW ngày 03/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; số 93-CTHĐ/TU ngày 17/10/2017 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và số 94-CTHĐ/TU ngày 17/10/2017 thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 về tiếp tục cơ đầy mạnh phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp.

- Chỉ đạo thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về phát triển nguồn nhân lực; đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; đổi mới công tác quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ; gắn kết giữa phát triển nguồn nhân lực với ứng dụng khoa học, công nghệ... Đẩy mạnh dạy nghề, gắn công tác đào tạo nghề với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và xã hội. Các chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút và tạo nguồn nhân lực có chất lượng của tỉnh được chỉ đạo thực hiện có hiệu quả theo đúng tinh thần các Nghị quyết của HĐND tỉnh đã đề ra²². Trong năm, các Ngành và địa phương đã tiếp nhận 230 hồ sơ thuộc đối tượng được cử đi đào tạo sau đại học theo chính sách của tỉnh, các đối tượng thuộc diện được thu hút được UBND tỉnh quyết định hỗ trợ với kinh phí hơn 867 triệu đồng.

- Đã chú trọng đẩy nhanh tiến độ thực hiện để sớm hoàn thành các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng trong lĩnh vực giao thông, kinh tế, xã hội, quản lý nhà nước và quốc phòng - an ninh, nhất là các công trình thuộc Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông; Dự án WB4; Dự án đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà; các khu đô thị và giao thông đô thị. Triển khai thực hiện dự án Phát triển CSHT cho tăng trưởng toàn diện tỉnh Quảng Trị (ADB)...

5. Tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

5.1. Giáo dục - Đào tạo

- Chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình hành động số 95-CTHĐ/TU của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 20/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh về quy hoạch phát triển giáo dục đào tạo Quảng Trị đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đạt nhiều kết quả tích cực.

- Quy mô mạng lưới trường, lớp học được tổ chức, sắp xếp lại hợp lý, phù hợp với từng địa phương²³. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và phổ cập giáo dục có nhiều chuyển biến, chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn được duy trì ổn định và có bước phát triển mới, số lượng và chất lượng giải tại kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hoá cấp quốc gia được

²² Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 31/5/2013 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 31/5/2013 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh về bãi bỏ một số điều của Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND và Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

²³ Toàn tỉnh hiện có 400 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và các trung tâm (trong đó 379 đơn vị công lập và 21 đơn vị tư thục), giảm 07 trường so với năm học 2019 - 2020.

tổ chức tại tỉnh cao hơn năm trước với kết quả 30 giải, tăng 5 giải so với năm 2019²⁴. Công tác xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh. Tích cực chuẩn bị các điều kiện để áp dụng chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới tại địa phương; hoàn thành biên soạn tài liệu giáo dục địa phương đối với lớp 1, đưa vào sử dụng từ năm học 2020 - 2021.

- Tuy vậy, dịch bệnh COVID - 19 và thiên tai, bão lũ trong năm 2020 đã ảnh hưởng rất lớn đến ngành giáo dục và đào tạo; các cơ sở giáo dục buộc phải tạm dừng việc dạy học, gây xáo trộn kế hoạch của toàn ngành, tác động lớn đến chất lượng giáo dục, tâm lý, tư tưởng của cán bộ giáo viên, học sinh và phụ huynh²⁵. Mưa lũ đã làm khoảng 200 trường học với 308 điểm trường học bị ngập lụt, nhiều thiết bị, phương tiện dạy học, đồ dùng, đồ chơi, sách giáo khoa, sách tham khảo bị hư hỏng...

5.2. Về lao động, việc làm, an sinh xã hội

- Tỉnh đã tổ chức 04 hội nghị phổ biến chính sách việc làm và xuất khẩu lao động, 01 hội nghị tập huấn thu thập thông tin thị trường lao động. Thành lập Trường Cao đẳng kỹ thuật Quảng Trị²⁶. Đến ngày 30/10/2020 toàn tỉnh có 7.548 lao động được tạo việc làm mới, đạt 68,62% kế hoạch năm²⁷; tuyển sinh đào tạo giáo dục nghề nghiệp 9.242 người (đạt 54,69 % kế hoạch)²⁸. Ước tính năm 2020 toàn tỉnh giải quyết việc làm mới cho khoảng 10.000 lao động (đạt 90,91 % kế hoạch)²⁹; tuyển sinh, đào tạo cho 14.000 lao động (đạt 82,84% kế hoạch)³⁰; tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt 65,88% (đạt 100% kế hoạch); tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 46,5% (93% kế hoạch); lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 31% (đạt 96,88% kế hoạch).

- Công tác bảo trợ xã hội và chính sách thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng được đặc biệt quan tâm chăm lo³¹. Tổ chức Lễ trao và truy tặng

²⁴Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 97,0% (KH 96%); Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đi học ở cấp tiểu học đạt 99,87% (KH 99,9%), cấp THCS đạt 95,5% (KH 95%). Đến thời điểm 30/7/2020: có 374 trường học được kiểm định chất lượng (đạt tỉ lệ 94,5%). Toàn tỉnh có 269/397 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 67,8%), trong đó cấp mầm non có 102 trường, cấp Tiểu học 60 trường, cấp THCS 41 trường, THPT có 57 trường và THPT 9 trường. Kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hoá quốc gia lớp 12 THPT: Tổng cộng 30 giải, trong đó có 06 giải nhì, 10 giải ba và 14 giải khuyến khích, là năm đạt số lượng giải cao nhất trong 9 năm trở lại đây.

²⁵Do dịch Covid 19 học sinh cấp MN, TH và THCS nghỉ học từ ngày 04/02 đến ngày 03/5, học sinh THPT, GDTX được nghỉ học từ ngày 04/02, đi học lại từ ngày 03/3 và đến 23/3 được nghỉ học lại cho đến ngày 03/5; Ban hành Quyết định sửa đổi bổ sung về khung kế hoạch thời gian năm học; điều chỉnh tinh giảm các nội dung của các môn học theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT; chuyển đổi hình thức từ dạy học truyền thống sang dạy học trực tuyến,...

²⁶Theo quyết định số 765/QĐ-LĐTBXH ngày 29/6/2020 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

²⁷Trong đó: Lao động làm việc trong tỉnh 3.976. lao động làm việc ngoài tỉnh 2.604 và lao động làm việc ở nước ngoài 968 trong đó làm việc ở nước Lào: 113 lao động, xuất khẩu lao động các nước: 855 lao động, (trong đó: 52 lao động Hàn Quốc, 570 lao động Nhật Bản, 230 lao động Đài Loan, 03 lao động các thị trường khác). Các địa phương làm tốt công tác xuất khẩu lao động là huyện Gio Linh (171 lao động), huyện Vĩnh Linh (168 lao động), huyện Triệu Phong (119 lao động).

²⁸Trong đó: Cao đẳng 173 người; trung cấp 496 người; sơ cấp và đào tạo thường xuyên 8.572 người

²⁹Xuất khẩu 1.050 lao động (đạt 87,5% kế hoạch). Ước tỷ lệ thất nghiệp thành thị khoảng 2,9%.

³⁰Trong đó: Cao đẳng 300 người; trung cấp 700 người; sơ cấp và đào tạo thường xuyên 13.000 người (trong đó đào tạo nghề cho lao động nông thôn 6.500 người).

³¹Nhân dịp Tết Nguyên Đán Canh Tý 2020, trao tặng 31.652 suất quà cho người có công và gia đình chính sách người có công, kinh phí quà tặng 6.445 triệu đồng. Đã trao tặng 25.361 suất quà của Chủ tịch nước cho người có công và gia đình chính sách người có công, kinh phí quà tặng 5.154,6 triệu đồng nhân dịp kỷ niệm ngày Thương

Danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng", đến nay tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng trên toàn tỉnh là 2.786 người, trong đó có 42 mẹ còn sống. Tính đến ngày 30/10/2020, toàn tỉnh có 37.683 đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Thực hiện kịp thời chính sách hỗ trợ trong đại dịch COVID-19 cho đối tượng người có công với cách mạng theo Nghị quyết 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ với 14.773 người với kinh phí 22.127 triệu đồng.

- Công tác giảm nghèo tiếp tục đạt được những kết quả tích cực, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 1,5%, đạt mục tiêu kế hoạch đề ra (từ 8,08% hộ nghèo đầu năm 2020 xuống còn 6,58%) nhưng do ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh rất nặng nề và có thể kéo dài nên nguy cơ tái nghèo ở một số địa phương còn hiện hữu.

- Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới được quan tâm, 97% trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt được chăm sóc, bảo vệ; 100% cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được đào tạo kỹ năng cơ bản. Các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới được quan tâm thực hiện.

5.3. Y tế

- Mạng lưới y tế tiếp tục được củng cố, cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công tác y tế được chú trọng đầu tư³². Đội ngũ cán bộ y tế ngày càng được tăng cường về số lượng và chất lượng chuyên môn³³. Công tác khám, chữa bệnh được duy trì có chất lượng. Trong năm 2020, do 2 lần thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch COVID-19 nên số bệnh nhân điều trị nội trú giảm so với năm trước³⁴. Ước tính đến cuối năm 2020, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,48%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng dưới 13,7%.

- Tình hình dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn diễn biến khá phức tạp, một số dịch bệnh như Bạch hầu, viêm gan A tăng; các bệnh Sốt xuất huyết, sốt rét, quai bị, cúm, tiêu chảy có xu hướng giảm. Các cơ quan chức năng đã theo dõi, phát hiện sớm các ổ dịch và có phương án xử lý kịp thời.

- Các đơn vị y tế đã kịp thời hướng dẫn người dân vệ sinh môi trường sau mưa lũ; hỗ trợ các loại hoá chất để khử trùng nguồn nước sinh hoạt cho người dân. Chủ động bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn. Trong 10 tháng năm 2020 trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm, làm 36 người bị ngộ độc; không có trường hợp tử vong.

5.4. Về phát triển văn hóa, thể thao và du lịch

- Tỉnh đã tổ chức thành công nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ, TDTT chào mừng các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước, nhất là kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và mừng Xuân

bình-Liệt sỹ; 2.210 suất quà ngân sách huyện với kinh phí 601 triệu đồng; các cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân trao 12.436 suất quà với kinh phí 2.089 triệu đồng cho các đối tượng Người có công với cách mạng...

³² Đến nay toàn tỉnh có 162 cơ sở y tế (20 Bệnh viện và Phòng khám đa khoa khu vực; 141 trạm y tế xã, phường, thị trấn; 01 cơ sở y tế khác); có 2.025 giường bệnh; không thay đổi so với năm trước.

³³ có 2.882 cán bộ ngành y, tăng 1,73% so với năm trước (trong đó có 625 bác sĩ trở lên, tăng 0,81%); có 222 cán bộ ngành dược, giảm 3,06% (trong đó có 60 dược sỹ cao cấp trở lên, tăng 13,21%).

³⁴ Năm 2020, ước tính có 812.560 lượt người khám bệnh, tăng 4,95% so với năm trước; 107.250 lượt bệnh nhân điều trị nội trú, giảm 9,81%; số ngày điều trị nội trú 803.350 ngày, giảm 7,11%.

Canh Tý 2020. Công tác tu bổ, tôn tạo các di tích và kiểm tra, sưu tầm hiện vật được triển khai thực hiện theo kế hoạch³⁵. Do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 và thiên tai nên lượng khách đến tham quan, thăm viếng tại các điểm di tích, bảo tàng giảm so với cùng kỳ năm 2019³⁶. Các hoạt động tuyên truyền về đẩy mạnh thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với "Cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" được chú trọng.

- Thể thao quần chúng được đẩy mạnh³⁷; thể thao thành tích cao được quan tâm³⁸. Tuy nhiên, do ảnh hưởng dịch bệnh COVID-19 và thiên tai bão lụt nên một số hoạt động thể dục thể thao tại địa phương và tham gia các giải thể thao do Trung ương tổ chức tạm hoãn, một số nhiệm vụ triển khai chậm hơn so với kế hoạch đề ra.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch 2757/KH-UBND ngày 23/6/2020 của UBND tỉnh về các giải pháp, hoạt động kích cầu du lịch khắc phục hậu quả dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; tăng cường liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh trong khu vực, nhất là 3 tỉnh Bình-Trị-Thiên; Tổ chức Hội nghị liên kết phát triển du lịch và tổ chức đoàn Famtrip, tour du lịch đảo Cồn Cỏ, khởi động mùa du lịch biển 2020. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, quảng bá, thu hút, hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai các dự án du lịch trong thời gian qua đã đến khảo sát và lập kế hoạch đầu tư tại tỉnh³⁹.

6. Thông tin, truyền thông

- UBND tỉnh đã chỉ đạo tốt công tác quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản, thông tin đối ngoại, bưu chính, viễn thông và CNTT; nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền; vận hành mạng lưới thông tin đảm bảo an toàn. Hạ tầng bưu chính phát triển ổn định; hạ tầng viễn thông được nâng cấp, mở rộng và nâng cao chất lượng.

- Thực hiện tốt hoạt động truyền thông phục vụ phát triển kinh tế-xã hội và nhất là về phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Đến nay, 100% cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, trường học, trạm y tế, UBND xã, phường, thị trấn được

³⁵ Lập hồ sơ đề nghị xếp hạng 06 di tích cấp tỉnh; thực hiện bổ sung hồ sơ khoa học 52 di tích đã xếp hạng năm 1996 và năm 2004; Xây dựng KH triển khai lập hồ sơ xếp hạng di tích QGĐB "Hệ thống khai thác nước cổ vùng Quảng Trị". Tổ chức khảo sát hiện trạng, lập đề cương, gấp gờ nhân chứng, biên soạn nội dung các hồ sơ khoa học di tích đã xếp hạng cấp tỉnh tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục sửa chữa, chống xuống cấp Bảo tàng Quảng Trị; Tu bổ giếng Búng, Giếng Côi, Giếng Dưới thuộc di tích Giếng cổ Gio An; Quản lý dự án công trình "Di tích lịch sử Cao điểm 689 Khe Sanh"... Lập đề cương sưu tầm hiện vật văn hóa, nông nghiệp, nông thôn của người Việt tại Quảng Trị; Xây dựng phần mềm Quản lý hồ sơ lý lịch hiện vật; Di vật, cổ vật, bảo vật Quốc gia; Quản lý phim ảnh... Thực hiện 1000 sổ kiểm kê với hơn 2.800 hiện vật.

³⁶ Năm 2020: các cơ sở di tích, bảo tàng đón và phục vụ khoảng 118.900 lượt khách. Trong đó, khách miễn giảm vé theo quy định khoảng 4.200 lượt, khách dâng hương, dâng hoa và tham quan khoảng 86.000 lượt, khách thu vé khoảng 28.700 lượt, đạt doanh thu khoảng 1,626 tỷ đồng, giảm 3,115 tỷ đồng so với năm 2019.

³⁷ Các chỉ tiêu về thể dục thể thao ước đạt năm 2020: tỷ lệ người dân tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 35% dân số; tỷ lệ gia đình thể thao đạt 27% số hộ; số câu lạc bộ và điểm tập thể dục thể thao đạt 800 CLB; có 83% cán bộ, CNVC tập luyện thường xuyên một môn thể thao; 98,8% trường phổ thông thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục thể chất nội khóa; 99,7% cán bộ chiến sỹ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực.

³⁸ Tổng số VĐV được đào tạo tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh 100 VĐV (Trong đó có: 57 VĐV tuyển năng khiếu, 18 VĐV tuyển trẻ, 25 VĐV tuyển tỉnh). Tham gia thi đấu 21 giải thể thao quốc gia, đạt 67 huy chương các loại (10HCV, 28HCB, 29HCD).

³⁹ Các nhà đầu tư vào Quảng Trị như: Công ty CP Tập đoàn FLC, Công ty CP phát triển AE Holdings, Công ty CP Tập đoàn SGO, Công ty CP Phát triển quan hệ Việt Nhật, Công ty CP đầu tư kinh doanh phát triển bất động sản FLCHOMES, Công ty CP đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương, Công ty CP Tập đoàn Pacific Health Care...

cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông, internet băng thông rộng. Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử Chính phủ. Dịch vụ công được nâng cấp lên mức độ 4 đạt 36/38 thủ tục đạt trên 90%.

- Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 174 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính. Có 101/125 xã, phường, thị trấn và 9/10 huyện, thị xã, thành phố (trừ huyện đảo Côn Cỏ) có báo đến trong ngày. Có 2.441 trạm thu phát sóng điện thoại di động (BTS) đang hoạt động. Ước tính đến 31/12/2020, toàn tỉnh có 630.277 thuê bao điện thoại, tăng 3,75% so với cùng kỳ năm trước; có thêm 11.831 số thuê bao mới Internet, tăng 57,18% đưa tổng số thuê bao Internet có đến 31/12/2020 là 96.175 thuê bao, tăng 16,84% so với cùng kỳ năm trước.

7. Khoa học và Công nghệ

- Công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống được triển khai tích cực, nhất là ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới để phát triển một số sản phẩm chủ lực của tỉnh⁴⁰ đã góp phần hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cải thiện thu nhập và phục vụ tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã xác định rõ các nội dung gắn liền với từng loại sản phẩm và có địa chỉ ứng dụng cụ thể, kể cả khoa học xã hội⁴¹; nhiều sản phẩm khoa học và công nghệ đã được thương mại hóa⁴².

8. Công tác dân tộc và miền núi

Kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi phát triển ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa; tiềm năng, lợi thế được khai thác. Cơ sở vật chất trang thiết bị trường lớp học được đầu tư đồng bộ; hệ thống trường phổ thông Dân tộc nội trú được củng cố và phát triển. Hiện nay 100% số xã có trường tiểu học, 75% số xã có trường trung học cơ sở, 20 trường đạt chuẩn Quốc gia; tỷ lệ học sinh DTTS trong độ tuổi bậc tiểu học đến trường đạt 98,6%, tỷ lệ các cháu mầm non DTTS đến lớp đạt 93,7%. Công tác khám, chữa bệnh, cấp phát thẻ BHYT cho người nghèo, công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, vệ sinh an toàn thực phẩm và tiêm chủng mở rộng được quan tâm thực hiện. Công tác phòng chống sốt rét tại cộng đồng và dịch bệnh được ngành y tế tập trung tăng cường chỉ đạo thường xuyên. Đến nay 100% xã có trạm y tế, 100% trạm y tế xã đã có bác sỹ, tất cả thôn bản đã có y tế thôn bản, được trang cấp thiết bị y tế và các loại thuốc thông dụng. 100% xã có điện lưới quốc gia, 100% xã được phủ sóng phát thanh,

⁴⁰ Đề tài "Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong nuôi cá chình lồng tại Quảng Trị"; Đề tài "Ứng dụng công nghệ sản xuất và sử dụng chế phẩm Probiotic bổ sung thức ăn nuôi trồng thủy sản phù hợp tại tỉnh Quảng Trị"; Đề tài "Nghiên cứu, khảo nghiệm tập đoàn giống lúa mới ngắn ngày, chất lượng cao và phục tráng giống lúa HC95"...

⁴¹ Đã hoàn thành đề tài "Địa chí Quảng Trị" là một công trình khoa học xã hội nhân văn lớn của tỉnh; Nhiều đề tài đề xuất được giải pháp, chính sách hữu ích trong các lĩnh vực đời sống văn hóa tinh thần, xúc tiến thương mại sản phẩm, giải quyết việc làm như "Nghiên cứu xây dựng mô hình kết nối cung - cầu hàng hóa hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế"; "Phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập và phát triển"; "Nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể các điệu hò trên đất Quảng Trị"

⁴² Chè Vằng, Cà gai leo - Linh chi, các loại thực phẩm, thức uống bảo vệ sức khỏe như Đông trùng hạ thảo, rượu tỏi đen, các cây hoa và cây dược liệu như Ba Kích, Sâm Cau, loại hoa cao cấp, các giống cây ăn quả, dược liệu quý hiếm như lan hồ điệp, hoa lily, dâu tây, cà chua siêu ngọt, lan kim tuyến, các loại cây lá cảnh...

truyền hình; 100% xã có đường giao thông đến trung tâm xã được cứng hóa; 80% số thôn, bản ấp có đường giao thông đi lại được cả hai mùa. Tình hình an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; không có các vụ khiếu kiện tập thể và tranh chấp đất đai nội vùng đồng bào DTTS. An ninh biên giới luôn được giữ vững.

9. Tình hình thực hiện công tác quy hoạch; phát triển đô thị; thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới.

- Công tác quy hoạch có nhiều chuyển biến tích cực, thực hiện đúng theo quy định và từng bước đi vào nề nếp, góp phần quan trọng trong triển khai thực hiện các định hướng phát triển và thu hút đầu tư. Chủ động thi hành Luật Quy hoạch, rà soát, tổng hợp danh mục các quy hoạch đã và đang thực hiện, xem xét, bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm đã được quyết định hoặc phê duyệt. Tập trung tổ chức lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo kế hoạch đề ra.

Công tác thẩm định, thỏa thuận các nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế kiến trúc công trình được nâng cao chất lượng, tiến độ thực hiện; kiểm soát chặt chẽ hơn việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn cũng như việc điều chỉnh quy hoạch. Từ đầu năm, UBND tỉnh đã phê duyệt 07 đồ án quy hoạch chung; 06 đồ án quy hoạch chi tiết. Phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu dịch vụ- du lịch Gio Hải (giai đoạn 1), xã Gio Hải, huyện Gio Linh.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tiếp tục được chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả. Đến tháng 10/2020, toàn tỉnh có 49/101 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới chiếm tỷ lệ 48,5% (do thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 832/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM giảm so với thời điểm cuối năm 2019); tiêu chí đạt bình quân là 15,65 tiêu chí/xã; có 3 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 01 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Dự kiến đến cuối năm 2020 có thêm 7-8 xã đạt chuẩn, nâng số xã lên 55-56/101 xã (chiếm 54- 55,4%) đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI và Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy đã đề ra và đạt mục tiêu năm 2020.

10. Về quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường

- Công tác quản lý tài nguyên, đất đai, khoáng sản được tăng cường. UBND tỉnh đã chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ việc đánh giá tác động môi trường, kiên quyết dừng chủ trương đầu tư đối với các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm cao. Huy động nhiều nguồn vốn để từng bước đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại các cơ sở sản xuất công nghiệp.

- Công tác giao đất, cho thuê đất, đo đạc, lập bản đồ địa chính được triển khai thực hiện nghiêm túc và đồng bộ. Tiếp nhận và xử lý kịp thời các hồ sơ thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Công tác kê khai, thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp được tăng cường. Tổ chức kiểm tra, xử lý các tổ chức sử dụng đất không đúng tiến độ hoặc sử dụng sai mục đích; kiểm tra, xử lý các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường.

- Nhiều hoạt động thiết thực hưởng ứng ngày môi trường thế giới và chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2020 được tỉnh tổ chức thực hiện, đặc biệt là khu vực nông thôn bằng các hành động thiết thực, cụ thể, tạo bước chuyển biến mới trong công tác bảo vệ môi trường⁴³... Từ đầu năm đến nay phát hiện 137 vụ vi phạm môi trường, giảm 19,41% so với cùng kỳ năm trước; xử lý 130 vụ, giảm 16,13%; số tiền xử phạt 527,5 triệu đồng, giảm 18,03%.

11. Về cải cách hành chính; thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; xây dựng Chính phủ điện tử và sắp xếp tổ chức bộ máy; phòng, chống tham nhũng, lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Nhiệm vụ cải cách hành chính được tỉnh đặc biệt chú trọng; kịp thời ban hành kế hoạch CCHC của tỉnh năm 2020 (Quyết định số 3636/QĐ-UBND ngày 26/12/2019); ban hành các văn bản về chấm điểm chỉ số CCHC và đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương; chấm điểm PAR INDEX... Công tác cải cách hành chính của tỉnh đã hoàn thành 100% kế hoạch đề ra. Chỉ số CCHC năm 2019 của tỉnh xếp thứ 28/63 tỉnh, thành phố (tăng 2 bậc so với năm 2018); Chỉ số SIPAS xếp thứ 30, tăng 29 bậc so với năm 2018; Chỉ số PAPI xếp thứ 34, giảm 28 bậc so với năm 2018.

- Công tác cải cách bộ máy hành chính có nhiều chuyển biến tích cực theo đúng hướng dẫn của các Bộ, Ngành Trung ương và Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh về ban hành Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã, thôn, khu phố; cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017. Đến nay, tỉnh đã hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã⁴⁴ theo Nghị quyết số 832/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và sắp xếp thôn, khu phố theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh. Thực hiện giảm 164 đơn vị sự nghiệp công lập⁴⁵, đạt 24,7% so với tổng số ĐVSNCCL toàn tỉnh, vượt 14,7% so với mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW đề ra đến năm 2021 và đạt 87,2% so với tổng số đơn vị phải thực hiện đến năm 2030 tại Kế hoạch số 84-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy⁴⁶.

- Công tác tinh giản biên chế được quan tâm chỉ đạo; trong năm, UBND tỉnh đã thực hiện 08 đợt tinh giản biên chế đối với 218 chỉ tiêu, chiếm 51,2%, đồng thời cắt giảm 208 chỉ tiêu, chiếm tỷ lệ 48,8%. Đạt 100% kế hoạch đề ra.

- Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Ban tiếp công dân tỉnh cùng với lãnh đạo tỉnh và các

⁴³ Tổ chức hưởng ứng: Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2019 với các hoạt động điểm quy mô cấp tỉnh tại xã Hải Vĩnh; Giờ Trái đất... Thực hiện các chuyên mục tài nguyên môi trường trên Đài PTTH tỉnh.

⁴⁴ Kết quả, toàn tỉnh giảm từ 141 ĐVHC cấp xã (117 xã, 13 phường, 11 thị trấn) xuống còn 125 ĐVHC cấp xã (101 xã, 13 phường, 11 thị trấn), giảm 16 xã (chiếm 11,35%); Tổng số cán bộ, công chức được sắp xếp, bố trí ở 17 xã, thị trấn mới hình thành sau sắp xếp: 515 người (Giảm 90 người so với 33 xã, thị trấn trước khi sắp xếp, trong đó: thực hiện sắp xếp điều động đến các xã, thị trấn khác hoặc chuyển thành công chức cấp huyện: 32 người; giải quyết chính sách tinh giản biên chế: 58 người).

⁴⁵ Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Giảm 101 đơn vị; lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp: Giảm 17 đơn vị; lĩnh vực y tế: giảm 21 đơn vị; lĩnh vực văn hoá: Giảm 11 đơn vị; sự nghiệp khác: Giảm 14 đơn vị

⁴⁶ Qua sắp xếp, toàn tỉnh giảm được 309 cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị sự nghiệp (164 cấp trưởng, 145 cấp phó); tinh giản được 1447 biên chế sự nghiệp so với năm 2015.

Sở, Ngành có liên quan đã thực hiện tốt công tác tiếp công dân thường xuyên và định kỳ với tổng số 832 lượt/955 người/754 vụ việc. Các cấp hành chính trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 1.126 đơn (cấp tỉnh 115; cấp huyện 909; cấp sở ngành 102), qua kiểm tra, sàng lọc, đơn đủ điều kiện xử lý là 1.020 đơn.

12. Tình hình thực hiện nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

12.1. Nhiệm vụ quốc phòng - an ninh

- Tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh được củng cố và tăng cường. Nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương được triển khai kịp thời, đảm bảo đúng kế hoạch. Lực lượng vũ trang đã thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an toàn tuyệt đối các sự kiện chính trị, văn hóa quan trọng, các ngày lễ, Tết trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt công tác giao quân năm 2020 đạt 100% chỉ tiêu.

- Thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định, các lực lượng đã chủ động phối hợp chặt chẽ để nắm chắc tình hình địa bàn. Thực hiện tốt nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới và biển đảo; đặc biệt là phòng chống dịch COVID - 19 và các đợt bão lũ trong năm⁴⁷. Hoàn thành tốt chỉ tiêu tập huấn, huấn luyện, diễn tập, hội thao, hội thi và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho các đối tượng; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên.

- Tổ chức tốt các hoạt động đối ngoại quốc phòng với BộCHQS tỉnh Savannakhet, Salavan và Sư đoàn 4 Lào; hỗ trợ vật chất, trang thiết bị y tế trong phòng chống dịch bệnh COVID-19; phối hợp tuần tra kiểm soát chặt chẽ tuyến biên giới góp phần bảo đảm ANCT, TTATXH.

- Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; ngăn chặn mọi âm mưu hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng, chống tội phạm tiếp tục được chỉ đạo quyết liệt, có hiệu quả⁴⁸; bảo đảm tuyệt đối an toàn Đại hội Đảng các cấp.

- Tăng cường chỉ đạo các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm kinh tế, chức vụ, công nghệ cao; giám sát chặt chẽ các quy trình kinh tế, không để các đối tượng lợi dụng hoạt động vi phạm pháp luật. Thực hiện tốt công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy⁴⁹.

12.2. Công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

- Tỉnh đã tiếp tục triển khai các Nghị quyết, văn bản của Trung ương và địa phương về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế và ban hành quy định quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác

⁴⁷ Quyết định thành lập 41 khung và điều động 230 cán bộ, chiến sỹ thường trực và 130 dân quân phục vụ cách ly; 231 dân quân phối hợp biên phòng kiểm soát chống dịch tuyến biên giới

⁴⁸ Năm 2020, Tội phạm về trật tự xã hội được kiểm chế, giảm 0,4% so với cùng kỳ năm 2019, xảy ra 279 vụ, làm chết 05 người, bị thương 76 người, thiệt hại tài sản khoảng 9,5 tỷ đồng (so với cùng kỳ năm 2019 số vụ giảm 01 vụ, số người chết giảm 03 người; số người bị thương tăng 26 người, thiệt hại tài sản tăng 4,5 tỷ; Tội phạm giết người do nguyên nhân xã hội giảm (-60%) và chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số vụ phạm pháp hình sự (chiếm 0,7%)

⁴⁹ Năm 2020, đã phát hiện, bắt giữ 177 vụ/244 đối tượng mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy (tăng 41 vụ so với cùng kỳ năm 2019), tang vật thu giữ 01 kg cần sa khô; 44.839 viên và 11 kg ma túy tổng hợp

ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế, đón và làm việc với nhiều đoàn khách quốc tế, các nhà đầu tư đến Quảng Trị; chủ động tham dự các diễn đàn, hội nghị xúc tiến đầu tư. Công tác xúc tiến thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh với các địa phương của Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản được tích cực triển khai.

- Tỉnh tiếp tục chỉ đạo tăng cường quan hệ hữu nghị truyền thống giữa tỉnh Quảng Trị với 02 tỉnh Savannakhet và Salavan, phối hợp chặt chẽ trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân, chấp hành các Hiệp định, Quy chế biên giới Việt - Lào, hạn chế tình trạng xâm canh, xâm cư và di cư tự do; bảo vệ đường biên, cột mốc và tuyến biên giới Việt - Lào hòa bình, hợp tác, phát triển. Công tác thông tin đối ngoại được chỉ đạo triển khai hiệu quả. Công tác lãnh sự và bảo hộ công dân được quan tâm giải quyết hiệu quả đảm bảo theo thông lệ quốc tế.

II. CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19

- Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, Ngành TW về phòng chống dịch COVID-19; tỉnh đã huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc quyết liệt, mạnh mẽ, phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với tinh thần "chống dịch như chống giặc", ngăn chặn từ xa, phát hiện sớm, cách ly nghiêm ngặt... Thành lập BCD phòng, chống dịch Covid-19 cấp tỉnh, huyện, xã; thành lập 20 đội cơ động phản ứng nhanh; ban hành kế hoạch phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tỉnh....

- Chỉ đạo kích hoạt ngay các phương án, kế hoạch phòng, chống dịch theo tình hình thực tế; Ban hành nhiều văn bản, chỉ đạo quan trọng triển khai đồng bộ các giải pháp phòng chống dịch và nâng dần từng bước cấp độ phòng, chống dịch; nghiêm túc giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg; kịp thời chỉ đạo thiết lập trạng thái bình thường mới sau thời gian cách ly theo Chỉ thị 19/CT-TTg ngày 24/4/2020⁵⁰.

- Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn cài đặt ứng dụng Bluezone trên điện thoại thông minh để được cảnh báo nguy cơ lây nhiễm COVID-19 đạt hiệu quả cao. Rà soát, lập danh sách quản lý, theo dõi và yêu cầu khai báo y tế đối với công dân về địa phương trong thời gian phòng, chống dịch; kiểm soát y tế trên tuyến Quốc lộ 1A, thực hiện khai báo y tế, đo thân nhiệt. Kịp thời khảo sát, lập 3 cơ sở cách ly y tế tập trung và tiếp nhận cách ly tập trung. Tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng hiệu quả tiền, hàng hỗ trợ cho công tác phòng, chống dịch.

- Kết quả: Đợt 1 từ tháng 01 đến ngày 25/7/2020: Không ghi nhận trường hợp mắc Covid trên địa bàn tỉnh. Đợt 2 từ ngày 25/7/2020 đến nay, toàn tỉnh đã ghi nhận 07 trường hợp mắc COVID-19, trong đó có 01 trường hợp tử vong. Từ 14/8/2020 đến nay, trên địa bàn tỉnh không ghi nhận thêm trường hợp nào mắc mới COVID-19.

⁵⁰ Thông báo số 98/TB-UBND ngày 28/7/2020; Thông báo số 102/TB-UBND ngày 03/8/2020; Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 30/7/2020; Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 07/8/2020; Chỉ thị 14/CT-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh về các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới...

III. CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG VÀ KHẮC PHỤC THIẾT HẠI DO MƯA LŨ

Trong tháng 10/2020, trên địa bàn tỉnh chịu ảnh hưởng kết hợp của nhiều hình thời tiết nguy hiểm như: Không khí lạnh, dải hội tụ nhiệt đới, các vùng áp thấp trên Biển Đông, đới gió Đông hoạt động mạnh, bão số 6, bão số 7, áp thấp nhiệt đới, bão số 8 và bão số 9; đặc biệt từ ngày 06-21/10/2020, trên địa bàn tỉnh đã liên tục xảy ra dồn dập các đợt mưa rất lớn, ngập lụt trên diện rộng, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, gió mạnh, sóng lớn trên biển, ... gây thiệt hại nghiêm trọng về tính mạng, tài sản, công trình cơ sở hạ tầng và sản xuất. Ước tính giá trị thiệt hại bước đầu đến ngày 04/10/2020 khoảng 3.466.236 triệu đồng⁵¹.

Trước những diễn biến phức tạp của thiên tai, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 30-CT/TU ngày 14/10/2020 về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh đã ban hành 11 Công điện khẩn và nhiều văn bản đôn đốc, chỉ đạo, điều hành cụ thể, sâu sát đối với từng vùng, địa bàn, từng vụ việc, sự cố, như: Ứng cứu tàu gặp nạn trên biển, sạt lở núi ở Hướng Phùng; tìm kiếm người mất tích, hỗ trợ khẩn cấp các vùng bị chia cắt cô lập ở Hướng Việt, Hướng Lập, ... kịp thời báo cáo, kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương về tình hình trên địa bàn tỉnh và đề xuất Chính phủ hỗ trợ cho tỉnh trong công tác ứng cứu, khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt công tác sơ tán dân trong tất cả các đợt bão, mưa lũ, nhất là công tác di dời, sơ tán dân tại các vùng ngập sâu, vùng sạt lở đất, vùng ven sông, suối⁵²; công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền; đảm bảo an toàn tính mạng cho học sinh và giáo viên; hỗ trợ nhân dân vùng bị ngập sâu, chia cắt đảm bảo không để người dân bị đói, bị rét, không có chỗ ở và đảm bảo lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh để đáp ứng nhu cầu tối thiểu của người dân, đồng thời chuẩn bị hóa chất tiêu độc khử trùng để

Theo báo cáo nhanh của các địa phương, đơn vị, tình hình thiệt hại tính đến ngày 04/11/2020 trên địa bàn tỉnh gồm: thiệt hại về người (52 người chết; 02 người mất tích và 37 người bị thương); 1.225 nhà bị thiệt hại; 108.146 lượt nhà bị ngập nước; có khoảng 200 trường học với 316 điểm trường bị ngập lụt⁵¹; nhiều công trình trạm y tế, nhà văn hóa bị ngập, tốc mái; 473 ha lúa, 3.573 ha hoa màu, 499 ha cây trồng lâu năm (cao su, cà phê, hồ tiêu, ...); 1.245 ha cây trồng hàng năm (sắn, ngô, chuối ...), 747 ha cây ăn quả tập trung bị hư hại; 695 ha rừng hiện có, 401 cây bóng mát, cây xanh đô thị bị gãy, đổ. Cây giống bị hư hỏng: 353 ha, Hạt giống hư hỏng (lúa): 813 tấn, Lương thực bị trôi, ẩm ướt, hư hỏng (chủ yếu lúa): 51.416 tấn, Diện tích đất nông nghiệp bị vùi lấp: 109 ha Muối bị hư hỏng: 02 tấn... Gia súc bị chết cuốn trôi: 6.647 con, Gia súc bị chết cuốn trôi: 6.647 con, Các loại vật nuôi khác bị chết, cuốn trôi: 1.207 con. Tổng chiều dài các tuyến đê bị sạt lở, hư hỏng (đê cấp IV): 40,1 km Tổng chiều dài các tuyến kè sông, kè biển bị sạt lở, hư hỏng: 3,6 km, Kênh mương bị sạt lở, hư hỏng, bồi lấp, cuốn trôi: Gồm các tuyến kênh chính, kênh cấp I, II do Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Quảng Trị quản lý với tổng chiều dài 55,13 km; Diện tích nuôi cá bị ngập, cuốn trôi: 1.183 ha; Diện tích nuôi tôm bị ngập, cuốn trôi: 693 ha... Các tuyến Quốc lộ do Trung ương quản lý như Quốc lộ 1, Quốc lộ 9 và đường Hồ Chí Minh nhánh Tây bị sạt lở nặng với khối lượng rất lớn; Các tuyến quốc lộ (15D, 9D, 49C, QL1 đến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông, QL9 đoạn cảng Cửa Việt đi QL1): bị ngập, hư hỏng nhiều điểm với hơn 84.000 m³ đất đá bị sạt lở, cuốn trôi; Các tuyến đường tỉnh (ĐT 587, ĐT 588a, ĐT 571, ĐT 573b, ĐT 574, ĐT 575a, ĐT 575b, ĐT 576, ĐT 577, ĐT 585, ĐT 586, ĐT 578b, ĐT 582, ĐT 582b, ĐT 583, ĐT 584, ...) bị ngập cục bộ, hư hỏng nhiều điểm với hơn 67.065 m³ đất đá bị sạt lở, cuốn trôi; Các tuyến đường huyện lộ và giao thông nông thôn: Hơn 175 km đường huyện và hệ thống giao thôn nông thôn bị sạt lở, hư hỏng; 1.180 km bị ngập, trong đó có rất nhiều điểm bị ngập sâu, chia cắt cục bộ không đi lại được; Các tuyến đường thủy nội địa (Sông Bến Hải, sông Thạch Hãn, sông Hiếu và sông Ô Giang): hệ thống báo hiệu dưới nước, trên bờ bị lũ cuốn trôi và hư hỏng. Ngoài ra hệ thống thông tin liên lạc, cột điện, nhà xưởng bị gãy đổ, tốc mái...

⁵² Trong đợt mưa bão tháng 10, toàn tỉnh tổ chức di dời 30.064 lượt hộ gia đình với 95.621 lượt người

vệ sinh môi trường đảm bảo không để dịch bệnh bùng phát trên địa bàn tỉnh sau mưa lũ...

Hiện nay, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương khẩn trương khắc phục hậu quả của đợt mưa lũ vừa qua; tiếp tục triển khai quyết liệt việc thông các tuyến đường bị chia cắt, dọn dẹp vệ sinh môi trường, khắc phục cơ sở hạ tầng thiết yếu, ... và chuẩn bị các nguồn lực để sẵn sàng ứng phó với các đợt thiên tai tiếp theo trên địa bàn tỉnh⁵³. Chỉ đạo ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẩn trương xây dựng phương án khôi phục sản xuất khắc phục hậu quả thiên tai để triển khai vụ Đông và vụ Đông Xuân 2020 - 2021 nhằm đảm bảo an ninh lương thực và đời sống của nhân dân trong Tết Nguyên Đán.

IV. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, hạn chế

- Dịch bệnh Covid-19 tác động xấu đến hầu hết các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là về thương mại, đầu tư, du lịch... Hoạt động kinh doanh, dịch vụ nhiều tháng liền phải tạm dừng; một số mặt hàng nông sản, sản phẩm chế biến nông nghiệp xuất khẩu bị ảnh hưởng bởi thị trường quốc tế khó tiêu thụ, liên tục rớt giá.

- Tình hình mưa lũ trong tháng 10 ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, sản xuất của người dân nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, cơ sở hạ tầng bị tàn phá nặng nề... Bệnh dịch tả lợn Châu phi vẫn còn xảy ra, tác động tâm lý trong dân, ảnh hưởng đến hoạt động tái đàn của các hợp tác xã và người chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

- Sản xuất công nghiệp tuy có phát triển nhưng tốc độ chậm, quy mô cơ sở sản xuất còn nhỏ lẻ, các sản phẩm công nghiệp nhìn chung có sức cạnh tranh thấp. Thu hút đầu tư về công nghiệp còn thiếu những sản phẩm có giá trị cao; các dự án nông nghiệp có quy mô lớn đang trong giai đoạn triển khai xây dựng... Mối liên kết, tác động qua lại giữa khu, cụm công nghiệp, giữa các ngành công nghiệp với các ngành dịch vụ của tỉnh còn hạn chế.

- Hầu hết quy mô các hoạt động đầu tư du lịch còn nhỏ, phương thức kinh doanh chậm được cải tiến đổi mới. Hoạt động kinh doanh lữ hành chưa thật chuyên nghiệp; công tác quảng bá, xúc tiến du lịch và công tác tiếp thị trường chưa được sự quan tâm của doanh nghiệp.

- Hạ tầng kỹ thuật triển khai ứng dụng CNTT còn thiếu đồng bộ; Việc ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ cao (3,4) chưa đạt mục tiêu, việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của các doanh nghiệp chưa gắn với việc phát triển thương mại điện tử.

- Công tác quản lý nhà nước về đất đai còn có mặt hạn chế, nhất là trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có nơi còn chưa thống nhất với các quy hoạch khác; các thủ tục hành chính về đất đai còn chồng chéo, công tác giao đất, cho thuê đất gặp khó khăn.

⁵³ Phân bổ 10 tấn lương khô, 3.000 tấn gạo và các mặt hàng phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn do Trung ương cấp để các đơn vị, địa phương kịp thời hỗ trợ nhân dân tổ chức khắc phục hậu quả thiên tai; phân bổ 100 tỷ đồng từ nguồn Trung ương hỗ trợ để các đơn vị, địa phương tiếp tục tổ chức khắc phục hậu quả....

- Hành lang pháp lý về hoạt động đầu tư tại Việt Nam đã được hình thành và từng bước điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện còn chồng chéo, thiếu sự thống nhất, gây khó khăn cho cơ quan thẩm định, nhà đầu tư.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Sự tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, nhất là dịch tả lợn châu Phi, đại dịch Covid-19 đã tác động bất lợi đến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước gặp rất nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển cho các ngành và lĩnh vực.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số Sở, Ngành, địa phương chưa thực sự quyết liệt trong tổ chức thực hiện nhiệm được giao, trong đó chủ yếu là thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; triển khai các dự án đầu tư;...

- Sản xuất hàng hóa còn mang nặng tính manh mún, phân tán. Các mô hình sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ, chậm được nhân rộng. Năng lực sản xuất kinh doanh, năng lực quản trị của phần lớn doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập.

- Cơ sở hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực, mặt bằng, dịch vụ tiện ích và các chính sách hỗ trợ đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhà đầu tư. Đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư còn thiếu về số lượng, đa số hoạt động kiêm nhiệm, tính chuyên nghiệp chưa cao, kinh nghiệm và kỹ năng xúc tiến đầu tư còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đang đặt ra.

- Các hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, trong đó các nguyên nhân chính là do ngại thủ tục hành chính (về kê khai thuế, bảo hiểm xã hội, chấp hành các quy định về sổ sách kế toán, tiếp cận với việc số hóa doanh nghiệp, kê cả e ngại việc thanh tra, kiểm tra hàng năm...) sau khi chuyển đổi.

Phần II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2021

Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp, là năm đầu tiên thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025 theo Nghị quyết của Quốc hội, HĐND tỉnh.

Tình hình quốc tế, trong nước dự báo có những thuận lợi, khó khăn đan xen, trong đó đại dịch COVID-19 tiếp tục tác động tiêu cực trên nhiều mặt đến kinh tế thế giới và Việt Nam. Kinh tế trong nước vẫn còn khó khăn, tiềm ẩn

nhiều rủi ro, đặt ra nhiều thách thức cho quá trình phát triển bền vững, tăng trưởng kinh tế. Thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường. Nhu cầu đầu tư cho phát triển, nhất là kết cấu hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng an ninh, ứng phó với biến đổi khí hậu rất lớn nhưng nguồn lực còn hạn hẹp....

Tuy nhiên bên cạnh những khó khăn, thách thức như trên, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định; lạm phát được kiểm soát, niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên...; đồng thời với những giải pháp chỉ đạo, điều hành của Chính phủ về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp sẽ tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng mạnh hơn nhằm phát huy các kết quả đã đạt được, vượt qua các khó khăn, thách thức, tạo tiền đề thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2021-2025.

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung thực hiện hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; thúc đẩy mạnh mẽ cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, đời sống nhân dân, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo; làm tốt công tác thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội. Cùng cố quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Các chỉ tiêu kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (theo GRDP) đạt 6,5-7% so với năm 2020, trong đó: nông - lâm - ngư nghiệp tăng 2,5-3%; công nghiệp - xây dựng tăng 10-11%; dịch vụ tăng 6-6,5%;
- GRDP bình quân đầu người đạt trên 56,5 triệu đồng;
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 22.000 tỷ đồng;
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn 3.450 tỷ đồng, tăng 5% so với ước thực hiện năm 2020⁵⁴, tăng 21% so với dự toán Trung ương giao⁵⁵; Trong đó: thu nội địa năm 2021: 2.970 tỷ đồng; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 480 tỷ đồng (*bằng dự toán Trung ương giao*);
- Sản lượng lương thực có hạt 26 vạn tấn;

⁵⁴ Ước thực hiện tổng thu NSNN trên địa bàn năm 2020: 3.301 tỷ đồng;

⁵⁵ Dự toán TW giao năm 2021: 2.861 tỷ đồng;

- Diện tích trồng mới và tái canh cây công nghiệp dài ngày 230 ha (trong đó: trồng mới cà phê: 150 ha, Cao su: 50 ha; Hồ tiêu: 30 ha);

- Trồng mới rừng tập trung: 7.000 ha;

- Tổng sản lượng thủy sản 37.000 tấn;

- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới là 62,4% (có thêm 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới);

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ: 36.876 tỷ đồng;

- Số doanh nghiệp thành lập mới trên 450 doanh nghiệp;

2.2. Các chỉ tiêu xã hội:

- Giữ vững chuẩn phổ cập THCS tại 100% xã, phường, thị trấn; tỷ lệ trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia đạt 77%;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65-70%; trong đó: tỷ lệ đào tạo nghề có bằng cấp chứng chỉ đạt 32%;

- Tạo việc làm mới cho 11.000 lao động.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%;

- Mức giảm tỷ suất sinh trên 0,3‰;

- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh 1,0-1,5%;

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo thể cân nặng/tuổi dưới 13,5%;

2.3. Các chỉ tiêu môi trường:

- Tỷ lệ độ che phủ rừng 50%;

- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 89,62%;

- Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch đạt 95 %;

- Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị đạt 95-100%;

2.4. Các chỉ tiêu về an ninh, quốc phòng

- Công tác tuyển quân đạt 100% kế hoạch.

II. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Tổ chức thực hiện kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các giải pháp điều hành của Chính phủ về tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

Tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động linh hoạt nhằm ổn định giá trị đồng tiền, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả huy động và phân bổ nguồn vốn trong nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững theo chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Trung ương. Giữ tỷ trọng nợ xấu ở mức dưới 1% so với tổng dư nợ.

Tập trung thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và hộ dân do ảnh hưởng của dịch COVID -19 và lũ lụt. Trong đó, bám sát các định hướng, chủ trương chính sách phát triển của Chính phủ, Ngân hàng trung ương và của tỉnh để cho vay Doanh nghiệp nhỏ và vừa phục vụ phát triển kinh tế địa phương, tạo việc làm cho người lao động; các tổ chức tín dụng tiếp tục làm tốt

Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp; cơ bản ổn định lãi suất cho vay; nhất là đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao.

Tích cực tìm các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất, nuôi dưỡng và tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra đối tượng nộp thuế. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định. Phần đầu tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2020 đạt 3.450 tỷ đồng.

2. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tăng cường sức chống chịu của nền kinh tế

Ưu tiên tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo và nguồn lực đầu tư để thực hiện nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế:

2.1. Về nông lâm, nghiệp, thủy sản

Khẩn trương thực hiện có hiệu quả Phương án khôi phục khẩn cấp cơ sở hạ tầng nông nghiệp, triển khai sản xuất vụ đông 2020 và Đông Xuân 2020-2021. Chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực, sẵn sàng cho công tác tổ chức sản xuất, tuân thủ các hướng dẫn, chỉ đạo của các cơ quan chuyên môn trên địa bàn nhằm thực hiện vụ Đông Xuân 2020-2021 thắng lợi;

Đẩy mạnh sản xuất lương thực theo hướng nâng cao giá trị hàng hoá, đảm bảo an ninh lương thực, hình thành các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với xây dựng cánh đồng lớn. Khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động gắn với điều chỉnh quy hoạch sản xuất để phát triển cây công nghiệp dài ngày chủ lực của tỉnh, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phần đầu sản lượng lương thực có hạt 26 vạn tấn.

Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, quy mô trang trại, gia trại tập trung gắn với an toàn sinh học và phòng trừ dịch bệnh có hiệu quả. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án "Khôi phục và phát triển đàn lợn sau bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025".

Tiếp tục triển khai rà soát, chuyển đổi đất rừng phòng hộ ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất. Đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng đến tận hộ nông dân để tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc rừng. Khuyến khích trồng rừng theo tiêu chuẩn, tiêu chí của FSC; Thực hiện tốt chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng đúng quy định. Khai thác gỗ rừng trồng, lâm sản ngoài gỗ một cách hợp lý và bền vững; Trồng mới rừng tập trung: 7.000 ha.

Thực hiện tốt các chính sách phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính Phủ, về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa; Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản. Tiếp tục triển khai quyết liệt đồng bộ các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp

pháp, không báo cáo và không theo qui định (IUU). Sản đầu năm 2021, tổng sản lượng thủy sản đạt 37.000 tấn.

2.2. Về công nghiệp - xây dựng

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình, đề án tái cơ cấu ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế như: năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời), công nghiệp chế biến gỗ và nông, lâm, thủy hải sản; công nghiệp siliccat, các ngành sản xuất công nghiệp sử dụng nhiều lao động (dệt may).

Tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19 để tăng khả năng cạnh tranh. Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút nhiều dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp. Đặc biệt là hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ cấp phép để triển khai thực hiện dự án và hoà lưới điện trước thời điểm 31/10/2021 đối với 14 dự án điện gió với tổng công suất 569,2 MW đã được Thủ tướng Chính phủ thống nhất đưa vào quy hoạch điện VII tại Văn bản 795/TTg-CN ngày 25/6/2020.

Ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị làm hạt nhân phát triển công nghiệp, trong đó tập trung hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án trọng điểm như dự án nhiệt điện than BOT 1, dự án nhà máy điện tua bin khí hỗn hợp Quảng Trị 340 MW, dự án khí hóa lỏng LNG...

Đẩy mạnh thu hút đầu tư và triển khai thực hiện các dự án động lực tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Kêu gọi và thúc đẩy tiến độ đầu tư xây dựng các dự án chế biến nông, lâm, thủy sản, dệt may, các dự án phong điện, thủy điện nhỏ. Tiếp tục theo dõi đôn đốc tiến độ đầu tư các dự án năng lượng, dự án công nghiệp trên địa bàn, nhất là các dự án khởi công dịp chào mừng 30 năm lập lại tỉnh để sớm đưa vào hoạt động. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Dự án TBA và đường dây 220 KV Đông Hà - Lao Bảo, Dự án cải tạo đường dây 110 KV Đông Hà - Lao Bảo.

Đầu tư, đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh. Khuyến khích các dự án công nghiệp mới, công nghệ và thiết bị hiện đại. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất và xử lý môi trường ở các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

2.3. Về thương mại - dịch vụ

Tiếp tục triển khai các chương trình, đề án về phát triển thương mại trên địa bàn tỉnh (Chương trình phát triển thương mại biên giới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025; Chương trình phát triển thương mại điện tử tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025; Đề án phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025,...). Thực hiện có hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại; đẩy mạnh công tác kết nối giao thương, xuất khẩu hàng hóa, phát triển thương mại điện tử; thực hiện liên kết, hợp tác tìm kiếm thị trường nội địa để tiêu thụ các mặt hàng thế mạnh của tỉnh; thực hiện tốt cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Tăng cường thu hút đầu tư các trung tâm dịch vụ logistic, các tổng kho trên tuyến hành kinh tế Đông Tây phục vụ lưu thông hàng hóa hai chiều giữa các nước ASEAN.

Mở rộng thị trường xuất khẩu các hàng hoá sản xuất tại địa phương. Tăng cường đấu tranh phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại trên địa bàn, tập trung vào các mặt hàng trọng điểm như hàng hóa phục vụ tiêu dùng. Phát triển mạnh các dịch vụ vận tải, kho bãi, dịch vụ quá cảnh, đóng gói sản phẩm, linh kiện hàng hoá; dịch vụ bưu chính viễn thông trên tuyến hành lang kinh tế Đông Tây.

Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư trong các lĩnh vực: sản xuất hàng xuất khẩu, xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị, kho dự trữ hàng hóa, kho ngoại quan, mạng lưới chợ, trung tâm hội chợ triển lãm, nâng cấp hệ thống các cửa hàng xăng dầu, phát triển mô hình cửa hàng xăng dầu gắn với trạm dừng nghỉ hoặc cửa hàng kinh doanh xăng dầu và dịch vụ tổng hợp trên tuyến Quốc lộ 9, đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 1; phát triển mạng lưới cửa hàng xăng dầu tại các tuyến giao thông cấp huyện.

3. Tăng cường huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế.

Tích cực thực hiện tái cơ cấu đầu tư công; huy động tối đa nguồn vốn ngân sách cho đầu tư phát triển theo luật đầu tư công; có cơ chế chính sách hỗ trợ để khuyến khích, thu hút, khai thác nguồn vốn xã hội hóa để đầu tư vào các công trình thiết yếu, quan trọng theo hình thức đối tác công tư (PPP) và từ các nguồn vốn doanh nghiệp, nhân dân. Tối ưu hóa sử dụng nguồn lực đất đai, thúc đẩy các dự án đầu tư theo hình thức PPP trong các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, giao thông...

Đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh. Tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của Trung ương để vận động và triển khai thực hiện các dự án ODA và nguồn vốn do các bộ, ngành Trung ương quản lý. Phân đầu triển khai một số dự án động lực đã được xác định, nhất là tại Khu kinh tế Đông Nam.

Phân bổ và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư công (bao gồm cả vốn ngân sách tỉnh, vốn ODA, vốn vay ưu đãi, các nguồn hỗ trợ từ Trung ương và nguồn khác). Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm; đầu tư hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; đầu tư các công trình phúc lợi xã hội; hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch... Phân đầu tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2021 đạt 22.000 tỷ đồng.

4. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ như giao thông, năng lượng, nông nghiệp, nông thôn; Tiếp tục xây dựng nông thôn mới.

4.1. Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ, khắc phục dần các điểm nghẽn trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hoàn thành một số dự án trọng điểm, động lực, có sức lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là các công trình giao thông quan trọng kết nối các khu kinh tế, khu công nghiệp, cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, La Lay với cảng Cửa Việt, cảng Mỹ Thủy và hệ thống giao thông quốc gia; xây dựng cơ sở hạ tầng các đô thị trên địa bàn tỉnh.

4.2. Huy động mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân. Phát huy tối đa vai trò chủ thể của người dân, tạo điều kiện để nhân dân tự nguyện, chủ động, sáng tạo tham gia xây dựng nông thôn mới. Nâng cao chất lượng và duy trì thường xuyên, liên tục các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới gắn với các hoạt động cụ thể, thiết thực.

Tích cực huy động nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu trực tiếp gắn với phát triển sản xuất và dân sinh; Quan tâm ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các địa phương có điều kiện khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, bãi ngang, ven biển. Nghiêm túc thực hiện các quy định về quản lý đầu tư, xây dựng trong xây dựng nông thôn mới.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, kêu gọi, vận động các tổ chức quốc tế hỗ trợ xây dựng nông thôn mới; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, HTX, doanh nghiệp được tiếp cận các nguồn vốn tín dụng đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; huy động hợp lý nguồn đóng góp của cộng đồng dân cư địa phương.

Tiếp tục thực hiện đề án xã, thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh, các mô hình chỉnh trang nông thôn theo hướng xây dựng mô hình “đường đẹp, nhà đẹp, vườn đẹp, thôn đẹp”; đề án bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới; xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa.

Tiếp tục đẩy mạnh chương trình OCOP (mỗi xã, một sản phẩm) theo chương trình của Bộ Nông nghiệp và PTNT phù hợp với nhu cầu thị trường và tiềm năng phát triển các sản phẩm được lựa chọn.

Chỉ đạo các địa phương thường xuyên tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới. Phần đầu tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới là 62,4% (có thêm 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới).

5. Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển doanh nghiệp.

Thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển doanh nghiệp. Phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh. Đẩy mạnh công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm vào các khu kinh tế, khu công nghiệp và khu dịch vụ du lịch của tỉnh theo đúng quy hoạch đặc biệt là Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị. Hỗ trợ, tạo điều kiện để các nhà đầu tư tổ chức triển khai thực hiện các dự án đúng tiến độ.

Định kỳ tổ chức Hội nghị đối thoại giữa UBND tỉnh với doanh nghiệp, đối thoại chuyên đề như: Tài nguyên môi trường, thuế, bảo hiểm...nhằm kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; duy trì có hiệu quả mô hình cà phê doanh nhân. Khuyến khích các doanh nghiệp gia tăng sản xuất do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp doanh nghiệp tỉnh giai đoạn 2018 - 2021; Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày

12/10/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh.

Chỉ đạo các ngành, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức hội nghị quán triệt đến toàn bộ cán bộ công chức về những phản ánh và những kiến nghị của doanh nghiệp; đồng thời, chấn chỉnh thái độ phục vụ doanh nghiệp đến toàn bộ công chức, viên chức ngành mình. Tăng cường hơn nữa hiệu quả công tác tham vấn Doanh nghiệp, tạo điều kiện doanh nghiệp tham gia vào góp ý chính sách, pháp luật có liên quan tại tỉnh.

6. Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ

Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, am hiểu pháp luật, tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Triển khai thực hiện chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; chủ động tổ chức các phương án học tập trong điều kiện tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp; tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất phục vụ tốt công tác dạy và học, phấn đấu kế hoạch 2021 có thêm 37 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia (nâng số trường đạt chuẩn lên 306/397 trường đạt tỷ lệ 77%)⁵⁶.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025. Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ phục vụ có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế- xã hội. Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng rộng rãi thành tựu khoa học công nghệ, công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch, các tiến bộ kỹ thuật canh tác, cải tạo đất phục vụ yêu cầu của sản xuất và đời sống. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ; theo dõi ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh và các doanh nghiệp xác lập, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp theo yêu cầu; xây dựng và phát triển các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, đặc biệt là dịch vụ thông tin, tư vấn, môi giới, đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ.

7. Phát triển văn hóa, xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với xã hội

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa và thể thao theo đúng quy định. Tiếp tục thực hiện công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc. Tổ chức tốt các giải thể thao trên địa bàn tỉnh.

⁵⁶ Trong đó cấp mầm non có 15 trường, cấp Tiểu học 07 trường, cấp THCS 04 trường, THPT có 08 trường và THPT 03 trường

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại từ đại dịch COVID-19 và các dịch bệnh khác; tăng cường tuyên truyền, nâng cao ý thức phòng, chống dịch, tuyệt đối không chủ quan, mất cảnh giác trước dịch bệnh. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khám, chữa bệnh tại các bệnh viện; tiếp tục triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ tại các bệnh viện công lập; tăng cường công tác y tế dự phòng.

Tiếp tục mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, từng bước thực hiện "bảo hiểm y tế toàn dân". Kiểm soát tăng dân số và giảm mất cân bằng giới tính khi sinh.

Đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyển dụng và sử dụng lao động của doanh nghiệp. Quan tâm công tác giải quyết việc làm cho lao động miền núi, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Phấn đấu năm 2021 tạo việc làm mới cho 11.000 lao động.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án và giải pháp giảm nghèo; chế độ, chính sách đối với gia đình thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng.

Tiếp tục phát huy hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Đẩy mạnh công tác phòng chống tệ nạn xã hội; thực hiện tốt công tác tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về tái hòa nhập cộng đồng. Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt 1-1,5%.

Tiếp tục chi trả kinh phí hỗ trợ cho các nhóm đối tượng người lao động, người sử dụng lao động và hộ kinh doanh gặp khó khăn do dịch COVID-19 theo Nghị quyết của Chính phủ; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động.

Tiếp tục quan tâm chăm lo và triển khai thực hiện tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các Chương trình, đề án của Chính phủ và chính sách của địa phương đối với vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, tạo điều kiện bảo đảm cho các hoạt động tôn giáo phát triển theo đúng quy định pháp luật.

8. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường sống; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Tập trung chỉ đạo việc thi hành các quy định, Nghị quyết, chương trình, kế hoạch đã ban hành thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Chỉ đạo đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, đầu giá quyền sử dụng đất; Rà soát quỹ đất để tổ chức đầu giá quyền sử dụng đất các khu đất có giá trị thương mại cho các dự án theo qui hoạch nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư.

Tiếp tục rà soát, kiểm tra, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường; tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông, bãi bồi trên địa bàn; xử lý nghiêm các hoạt động khai thác, vận chuyển cát, sỏi lòng sông, bãi bồi trái phép.

Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

9. Đẩy mạnh công tác xây dựng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chấp hành kỷ luật, kỷ cương, sắp xếp và tinh gọn bộ máy; xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số; cải cách hành chính tư pháp; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Kiên quyết đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật; Triển khai các nhiệm vụ đề ra trong Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp xã, thôn, bản, khu phố; Thực hiện Đề án chuyển đổi vị trí công tác và Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh giai đoạn 2016-2030”.

Phát triển Chính phủ điện tử theo tinh thần Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ. Đẩy mạnh CCHC gắn liền với ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2005; rà soát, công bố thủ tục hành chính và xây dựng quy trình giải quyết ISO TCVN 9001:2015, tăng cường tiếp nhận và giao trả trực tuyến thủ tục hành chính mức độ 3 và mức độ 4, tạo lập hồ sơ, tài khoản trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực và xử lý nghiêm các vi phạm. Kiên quyết xử lý, khắc phục tình trạng “tham nhũng vặt”, những nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực và trên toàn xã hội; trước hết là trong các cơ quan hành chính nhà nước.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu. Tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Tăng cường kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, dư luận xã hội quan tâm. Nghiêm túc tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.

10. củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh

Chỉ đạo xây dựng lực lượng bộ đội thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên đúng Luật và quy định của Bộ, Quân khu. Tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập, hội thao, hội thi và giáo dục quốc phòng an ninh theo chương trình kế hoạch trong năm. Chỉ đạo các địa phương thực hiện các bước sơ, khám tuyển, đồng bộ hồ sơ và giao quân nhập ngũ năm 2021. Chỉ đạo diễn tập khu vực

phòng thủ huyện Cam Lộ và thị xã Quảng Trị. Tiếp tục triển khai kế hoạch công tác đối ngoại quân sự năm 2021 theo biên bản hội đàm thường niên giữa BộCHQS 2 tỉnh Quảng Trị và Savannakhet. Nâng cao chất lượng công tác bảo đảm hậu cần, tài chính, kỹ thuật phục vụ kịp thời cho các nhiệm vụ.

Chỉ đạo công tác đảm bảo an ninh, trật tự trước, trong và sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần XIII của Đảng, Bầu cử Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Chỉ đạo lực lượng Công an - Quân sự- Biên phòng phối hợp triển khai thực hiện tốt Nghị định 03/2019/NĐ-CP, ngày 05/9/2019 của Chính phủ về phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn.

Tiếp tục chỉ đạo làm tốt công tác nắm tình hình, nhất là các lĩnh vực có nhiều tiềm ẩn, phức tạp như tuyến biên giới, biển đảo, nội địa; chủ động phát hiện, đấu tranh phòng chống âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; không để xảy ra biểu tình phá rối an ninh trật tự, không để bị động, bất ngờ; bảo đảm an ninh nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh văn hoá tư tưởng, an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng, an ninh xã hội. Chỉ đạo giải quyết có hiệu quả các vụ việc phức tạp về an ninh trật tự, nhất là các vụ tranh chấp, khiếu kiện, không để phát sinh phức tạp mới; có kế hoạch bảo đảm an ninh trật tự Tết Dương lịch, các ngày lễ của các tôn giáo và thời điểm cuối năm.

11. Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động đối ngoại

Tiếp tục quán triệt chủ trương đối ngoại của Đảng và Nhà nước, chủ động đẩy mạnh triển khai, thực hiện công tác đối ngoại góp phần vào mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; mở rộng và đưa các mối quan hệ đối ngoại đi vào chiều sâu, hợp tác thực chất, hiệu quả. Tiếp tục quán triệt và đề xuất triển khai thực hiện nghiêm túc Kết luận 33- KL/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại và Hướng dẫn 05-HD/BĐNTW của Ban Đối ngoại Trung ương.

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 05 - NQ/TU ngày 25/7/2017 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh hội nhập quốc tế gắn với Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 5/11/2016 của BCHTW khóa XII. Triển khai các hoạt động ngoại giao phát triển kinh tế và các nhiệm vụ do Bộ Ngoại giao, Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao thực hiện. Nâng cao hiệu quả hợp tác với các đối tác, nhà đầu tư đã có và tích cực xây dựng, ký kết các thỏa thuận mới trên cơ sở tìm hiểu kỹ tiềm năng, điểm tương đồng và các hợp tác cụ thể, thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, qua đó mở rộng thị trường, tranh thủ các nguồn lực về vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý từ các đối tác nước ngoài.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế gắn với an ninh quốc phòng, đảm bảo giữ vững chủ quyền quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Kien toàn, nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại, công tác người Việt Nam ở nước ngoài.

Tăng cường công tác phối hợp và thông tin giữa địa phương và Bộ Ngoại giao. Tiếp tục đẩy mạnh công tác vận động các dự án và viện trợ phi dự án.

Trên đây là Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh năm 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2021 của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình HĐND tỉnh./. 4

Nơi nhận:

- VPCP, VPQH, VP Chủ tịch nước;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 4;
- T.vụ TU, TT/HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT, các UV UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể;
- VP HĐND tỉnh;
- Chánh, PVP, CV;
- Lưu VT, TH(D).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Văn Hưng

PHỤ LỤC 1

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2020

(Kèm theo Báo cáo số: **258** /BC-UBND ngày **25/11/2020**

của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		So sánh TH/KH năm 2020
				Kế hoạch	Ước thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7
I	CÁC CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ					
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế; Trong đó:	%	7,91	>8,5	3,63	Không đạt
-	Công nghiệp - xây dựng	%	13,89	>14	7,25	Không đạt
-	Dịch vụ	%	6,35	>7	2,31	Không đạt
-	Nông - lâm - ngư nghiệp	%	5,10	>4,5	2,95	Không đạt
2	GRDP bình quân đầu người (Giá HH)	Triệu đồng	50	55-58	53,9	Không đạt
3	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	16.870	26.000-28.000	19.068,2	Không đạt
4	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; trong đó:	Tỷ đồng	3.249	3.400	3.301	97%
-	Thu nội địa	"	2.757	2.950	2.881	98%
-	Thu xuất nhập khẩu	"	490,1	450	362	80%
5	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	8.317	9.504	10.602	Vượt
6	Sản lượng lương thực có hạt	Vạn tấn	28,6	26	28,9	Vượt
7	Diện tích trồng mới và tái canh cây công nghiệp dài ngày	Ha	550	230	257,3	Vượt
8	Trồng mới rừng tập trung	Ha	9.320	6.000	8.200	Vượt
9	Sản lượng thủy hải sản	Tấn	32.250	37.000	37.129	Vượt
10	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới	%	51,3	54,7-56,4	55-56,4	Đạt
11	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	30.406	33.500	30.959	Không đạt

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		So sánh TH/KH năm 2020
				Kế hoạch	Ước thực hiện	
12	Số doanh nghiệp thành lập mới	Doanh nghiệp	380	400	460	Vượt
II	CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI					
13	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	97	96	97	Đạt
14	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi đối với bậc tiểu học	%	99,8	99,9	99,9	Đạt
15	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi đối với bậc THCS	%	96	95	95,5	Đạt
16	Tỷ lệ lao động qua đào tạo; trong đó:	%	60	65-70	65,88	Đạt
-	Tỷ lệ qua đào tạo nghề	%	42,38	55	46,5	Không đạt
-	Tỷ lệ có bằng cấp, chứng chỉ	%	30	32	31	Không đạt
17	Tạo việc làm mới	Lao động	13.500	11.000	10.000	Không đạt
18	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	94	>96	94	Không đạt
19	Mức giảm tỷ suất sinh	‰	0,31	>0,3	>0,3	Đạt
20	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1,6	1,5-2	1,5	Đạt
21	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo thể cân nặng/tuổi	%	13,3	<12	13,7	Không đạt
III	CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG					
22	Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	50	50	50,1	Đạt
23	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	94,5	95	89,12	Không đạt
24	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch	%	94,5	95	95	Đạt
25	Tỷ lệ chất thải rắn ở thành thị được thu gom	%	99	99	95-100	Đạt